

Bản án số: 59/2023/DS-PT
Ngày: 21 - 02 - 2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương
Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 384/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân B, sinh năm: 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm: 1962; (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc M – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Ngọc M. (có mặt)

2. Bị đơn: Trường mẫu giáo T;

Người đại diện theo pháp luật là bà: Nông Thị Bích L, chức vụ: Hiệu Trưởng. Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1980; (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí K, chức vụ: Phó giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020). (vắng mặt)

3.2 Văn phòng công chứng L; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3.3 Bà Huỳnh Thị P đã chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà P:

3.3.1 Ông Huỳnh Tương A, sinh năm: 1960; (vắng mặt)

3.3.2 Bà Từ Thanh D, sinh năm: 1962; (vắng mặt)

3.3.3 Bà Từ Kim D, sinh năm: 1979; (vắng mặt)

3.3.4 Bà Từ Ái Th, sinh năm: 1991; (vắng mặt)

3.3.5 Bà Huỳnh Từ T, sinh năm: 1999; (vắng mặt)

Địa chỉ: 31/7, đường Mậu T, phường An H, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

3.4 Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ;

Đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Văn H, sinh năm 1968, chức vụ Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Xuân B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông Đặng Xuân B trình bày:

Ông là chủ sử dụng thửa đất số 166, tờ bản đồ số 3, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 03846 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 30/9/2015, đất tọa lạc tại Khu vực P, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Phần đất trên có nguồn gốc là của cụ Huỳnh Văn H (đã chết). Cụ Hanh là cha ruột của ông ngoại ông là cụ Huỳnh Văn Th và bà cô ông là bà Huỳnh Thị P.

Năm 1968 ông Huỳnh Hữu L (là con ruột cụ Huỳnh Văn Th tham gia kháng chiến, cụ Th là người có công cách mạng) được ông nội là cụ Huỳnh Văn H cho thừa kế 02 thửa đất tại ấp Phụng Thạnh 2, xã Trung Nhứt, huyện Thốt Nốt, tỉnh Hậu Giang gồm có: thửa đất số 265-140 (đất vườn diện tích 0,2760 ha (2.760m²) và thửa đất 266-141 diện tích 68m² cấp sông Thốt Nốt).

Năm 1975 ông Huỳnh Hữu L định cư và chết tại Mỹ nên để giấy tờ nhà đất cho ông ngoại ông là Huỳnh Văn Th và bà ngoại ông là bà Võ Thị No giữ. Ông là con ruột của bà Huỳnh Thị Ngọc L và bà L là chị ruột của ông Huỳnh Hữu L.

Năm 1979 bà cô ruột của ông là Huỳnh Thị P (bà P là em ruột ông Thặng) đại diện cho ông ngoại và bà ngoại ông đứng ra hiến đất cho Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt 01 ngôi nhà kiên cố (01 trệt 01 lầu) và một phần diện tích đất từ nhà trở ra lộ thuộc thửa đất 265-140 để thành lập Trường tiểu học Trung Nhứt 4. Sau đó, hiệu trưởng trường tiểu học là ông Chương Công Kh đã xây dựng hàng rào bao quanh trường để làm ranh giới, phần đất còn lại do ông quản lý và gia đình đã xây cất nhà ở năm 1985 cư trú cho đến nay.

Năm 2015 ông thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì được biết bà Huỳnh Thị P đã được Ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 166, diện tích 1.670m² loại đất N⁺ (Thực tế là đất vườn, trên đất có 02 ngôi mộ tổ tiên). Thực chất đây chính là thửa đất số 265-140 còn lại sau khi hiến đất lập trường.

Ông được biết bà Huỳnh Thị P có chuyển nhượng một phần đất diện tích 159m² thuộc thửa đất 166 cho ông Trần Văn X nên năm 2015 bà Huỳnh Thị P chuyển nhượng phần còn lại 1.511m² thuộc thửa đất 166 cho ông.

Nay, ông phát hiện thửa đất số 2253 mà Trường mẫu giáo T đang sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BP 303129 vào sổ số CT 00284 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp cho trường ngày 30/8/2013 làm sân trường, phòng học, hình thành năm 2001 xây dựng và lấn chiếm 680,3m² thuộc thửa đất số 166 thuộc quyền sử dụng đất của ông. Bởi vì từ trước đến nay Nhà nước không có thu hồi, bồi hoàn giá trị diện tích đất này cho người sử dụng đất trước khi giao đất xây dựng trường học điều đó xâm phạm đến quyền lợi ích chính đáng của ông.

Ông khởi kiện yêu cầu: Buộc Trường mẫu giáo T phải trả lại cho ông diện tích bị lấn chiếm là 680,3m² tại thửa đất số 2253, tờ bản đồ số 03 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BP 303129 vào sổ số CT 00284 đã cấp cho trường do đất có nguồn gốc từ gia đình của ông.

Yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cấp cho trường là không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng nguồn gốc theo quy định của luật đất đai.

Yêu cầu Tòa án đề xuất kiến nghị Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Cần Thơ điều chỉnh lại loại đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CH 03846 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 30/9/2015 cấp cho ông vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thực tế trên đất chỉ có cây ăn trái, có nhà ở và 02 ngôi mộ đã chôn cất trên phần đất trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị P nhưng lại ghi đất nghĩa trang nghĩa địa.

Trường mẫu giáo T có bà Nông Thị Bích L – hiệu trưởng trình bày: Trường mẫu giáo T được cấp 680,3m² và được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho Trường mẫu giáo T tại phường T, quận T, thành phố Cần Thơ và

có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay sử dụng không thay đổi hiện trạng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ủy ban nhân thành phố Cần Thơ ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ trình bày: Ông B kiện cho rằng Trường mẫu giáo T xây dựng vào năm 2001, có lần qua diện tích 680,3m² thuộc thửa đất số 166 của ông B được cấp giấy chứng nhận hợp pháp năm 2015, đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy, ông B đề nghị trường phải trả lại diện tích 680,3m². Theo hồ sơ cung cấp thì thể hiện:

Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.670m² (loại đất Tcq) do trường Trung Nhứt 4 đăng ký sử dụng. Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 03 diện tích 1.670m² (loại đất N⁺) do bà Huỳnh Thị P đăng ký sử dụng. Tuy nhiên, trên thực tế hiện trạng sử dụng ổn định chỉ có diện tích 760,1m². Trường mẫu giáo T được cấp diện tích 680,3m² thửa đất số 2253 (thuộc một phần thửa đất số 167 nêu trên) và trường tiểu học Trung Kiên 2 được cấp diện tích 1.117,4m² (trong đó có 125,8m²) đất thuộc hành lang an toàn sông. Thửa số 2252 (thuộc một phần thửa 167 nêu trên). Như vậy, cả hai trường được cấp 1.857,7m² (trong đó có 125,8m² đất thuộc hành lang an toàn sông).

Bà Huỳnh Thị P được cấp diện tích 1.511m² (do đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Xương diện tích là 159m²) thửa đất số 166.

Theo hiện trạng sử dụng đất thực tế thì: Trường tiểu học Trung Kiên và Trường mẫu giáo T sử dụng đúng ranh, ổn định, không tranh chấp.

Bà P sử dụng ổn định từ năm 1980 theo hiện trạng đến nay không tranh chấp. Đến năm 2015 chuyển nhượng cho ông B thì ông B cho rằng bị lấn diện tích 680,3m² (tương đương 50% diện tích thửa 166). Hiện nay, ông B đang sử dụng diện tích đất thực tế là 760,1m².

Qua làm việc với Ủy ban nhân dân phường T cho thấy: Từ năm 1980 đến nay địa phương không nhận bất cứ đơn nào của bà P về tranh chấp quyền sử dụng đất hoặc ranh đất đối với trường.

Từ những diễn biến nêu trên nhận thấy: Việc ông B cho rằng Trường mẫu giáo T lấn ranh diện tích đất 680,3m² và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho trường là không có căn cứ.

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T trình bày: Năm 2015 hộ bà Huỳnh Thị P chuyển nhượng hết diện tích đất thửa số 166, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.511m² đất nghĩa trang, nghĩa địa cho ông Đặng Xuân B và được Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03846 ngày 30/9/2015 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B theo đúng trình tự thủ tục quy định.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B không có đo đạc thực tế nên không thực hiện việc ký giáp ranh của các hộ lân cận mà chỉ thực hiện việc chuyển nhượng hết diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của hộ bà Huỳnh Thị P.

Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường mẫu giáo T là đúng quy định tại khoản 4, Điều 5; khoản 1 Điều 51; khoản 1 và khoản 3 Điều 52 luật Đất đai năm 2003 và Điều 5 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Việc ủy ban nhân dân quận T cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH3202 ký ngày 29/12/2014 cho bà Huỳnh Thị P diện tích 1.511m² là không đúng diện tích và loại đất thực tế đang sử dụng và không đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 77, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013. Từ đó, việc ông B là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận không đúng vừa nêu đề yêu cầu Trường mẫu giáo T trả lại đất là không có cơ sở.

Phía những người có quyền và nghĩa vụ liên quan (Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị P đã chết gồm: Ông Huỳnh Trương A, bà Từ Thanh D, bà Từ Kim D, bà Từ Ái Th, bà Huỳnh Từ T): Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi được ý kiến.

Văn phòng công chứng L trình bày: Ngày 12/01/2015 Văn phòng công chứng Thới Lai tiến hành mời bà P, những người trong hộ bà và ông Đặng Xuân B đến Văn phòng công chứng tiến hành việc ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà P cung cấp cho văn phòng. Văn phòng công chứng đã công chứng hợp đồng chuyển nhượng giữa hộ bà P và ông B là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật. Căn cứ vào Điều 6, Điều 7 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 22, quyền số 01/2015/TP/CC/HĐGD đã được công chứng ngày 12/01/2015. Văn phòng công chứng xin phép được vắng mặt khi Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 37, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Điều 97, Điều 98, Điều 101, Điều 147, Điều 149, Điều 159, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Khoản 4 Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 3 Điều 52 Luật Đất Đai năm 2003.

Điều 5 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

Điều 77 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Xuân B về việc: “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất” với bị đơn là Trường mẫu giáo T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu điều chỉnh lại loại đất.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Xuân B theo diện tích đo đạc thực tế (Theo bản trích đo địa chính ngày 03/3/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử ngày 28 tháng 6 năm 2022 nguyên đơn ông Đặng Xuân B kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc đất của ông bà ngoại để lại cho con cháu, trước khi chết bà P đã giao hết toàn bộ diện tích đất cho ông diện tích 1.511m² và ông đã được cấp GCN nhưng trong quá trình sử dụng đất ông phát hiện ra việc Trường mẫu giáo T chiếm dụng đất của ông. Nếu trường không đồng ý trả đất thì ông chỉ xin lại con đường đi vì quá hẹp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện bị đơn trình bày: Trường chỉ sử dụng trên diện tích đất do Sở TNMT cấp nên không có quyền quyết định cho con đường đi hay không?

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Về hình thức đơn kháng cáo của nguyên đơn lập trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tòa sơ thẩm xác định là theo quy định Điều 26, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Qua xem xét hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp thì thể hiện: Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 03, diện tích 1670m² (loại đất Tcq) do trường Trung Nhứt 4 đăng ký sử dụng. Thửa đất số 166, tờ bản đồ số 03 diện tích 1.670m² (loại đất N⁺) do bà Huỳnh Thị P đăng ký sử dụng. Tuy

nhiên, trên thực tế hiện trạng sử dụng ổn định chỉ có diện tích 760,1m². Trường mẫu giáo T được cấp diện tích 680,3m² thửa đất số 2253 (thuộc một phần thửa đất số 167 nêu trên) và trường Tiểu học Trung Kiên 2 được cấp diện tích 1.117,4m² (trong đó có 125,8m²) đất thuộc hành lang an toàn sông. Thửa số 2252 (thuộc một phần thửa 167 nêu trên). Như vậy, cả hai trường (giáp ranh với nhau) được cấp 1.857,7m² (trong đó có 125,8m² đất thuộc hành lang an toàn sông. Đất của bà P được cấp diện tích 1.511m² (do đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông X diện tích là 159m²) thửa đất số 166.

Bà P sử dụng ổn định từ năm 1980 theo hiện trạng đến nay không tranh chấp. Đến năm 2015 chuyển nhượng cho ông B thì ông B cho rằng bị lấn diện tích 680,3m². Hiện nay, ông B đang sử dụng diện tích đất thực tế là 760,1m².

Theo chính quyền địa phương cung cấp từ khi bà P hiến đất cho nhà nước để xây dựng trường từ năm 1980 đến nay thì địa phương không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại nào từ bà P. Quá trình chuyển nhượng đất từ bà P sang tên qua ông B thì các bên không đo đạc cụ thể. Ông B chuyển nhượng chấp nhận với diện tích thực tế mà bà P đã giao. Trong khi đó trường mẫu giáo đã tồn tại trước khi hai bên chuyển nhượng đất cho nhau. Hai bên đã xây dựng hàng rào kiên cố và Trường mẫu giáo T đã sử dụng phần đất trong hàng rào ổn định và phía gia đình ông B cũng có lối đi riêng.

Trường mẫu giáo T được cấp 680,3m² và được UBND thành phố Cần Thơ ra Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 về việc công nhận quyền sử dụng đất đất cho Trường mẫu giáo T tại phường T, quận T, thành phố Cần Thơ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay sử dụng không thay đổi.

Ông B khởi kiện cho rằng Trường mẫu giáo T lấn diện tích đất 680,3m² và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Trường mẫu giáo T là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử bác toàn bộ hai yêu cầu của ông do không có cơ sở. Nếu ông B có tranh chấp với bà P về diện tích đất giao thiếu so với hợp đồng chuyển nhượng thì khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[3] Như vậy, nguyên đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Xuân Bảng

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 37, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Điều 97, Điều 98, Điều 101, Điều 147, Điều 149, Điều 159, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Khoản 4, Điều 5, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, khoản 3 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003.

Điều 5 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

Điều 77 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Xuân B về việc: “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất” với bị đơn là Trường mẫu giáo T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu điều chỉnh lại loại đất.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Xuân B theo diện tích đo đạc thực tế (Theo bản trích đo địa chính ngày 03/3/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ).

II. Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Xuân B được miễn án phí.

III. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND thành phố Cần Thơ; (1)
- VKSND thành phố Cần Thơ; (1)
- Cục THADS thành phố Cần Thơ; (1)
- Đương sự (6)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 17b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Huyền Vân